

Bản án số: **26/2019/KDTM-ST**

Ngày: 25/11/2019

Về tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Xuân Miến

2. Bà Vương Thuý Thìn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lại - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 31/2018/TLST-KDTM ngày 14/6/2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2019/QĐXXST-KDTM ngày 21/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2019/QĐST-KDTM ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng V**

Trụ sở: số 89 phố L, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:

- Bà Trần Thị T; CMND số 012114907 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 21/3/2013 - Chức danh: Trưởng Bộ phận xử lý nợ Ngân hàng V (vắng mặt);

- Bà Phạm Thị H; CMND số 038185000187 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 29/10/2014 - Chức danh: Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng V (có mặt).

Là đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng V và Giấy ủy quyền

số 8783/2019/UQ-VPB ngày 20/11/2019 của Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân).

*** Bị đơn: Công ty C**

Trụ sở: số 114 phố Đ, phường H, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Việt S- Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại: thôn Đức Diễn, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm (nay là phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm), thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2018 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng V do người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngân hàng V cho Công ty C vay vốn theo các hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số LD11151000274 ngày 01/06/2011 có nội dung:

- Số tiền vay: 245.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên.
- Mục đích sử dụng vốn: Mua xe ô tô Daewoo Lacetti SE mới 100% để kinh doanh.
- Lãi suất trong hạn là: 25%/năm tại thời điểm giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 11,5%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Các bên thống nhất đến kỳ điều chỉnh lãi suất, Bên Ngân hàng sẽ tự động điều chỉnh theo thỏa thuận.
- Các kỳ hạn trả nợ: Nợ gốc trả 01 tháng/lần vào ngày 05 hàng tháng; tổng cộng gồm 36 kỳ, mỗi kỳ trả 6.800.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả nốt số tiền còn lại; Nợ lãi: Nợ lãi trả theo định kỳ 01 tháng/1 lần, vào ngày 05 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/7/2011.

Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, ngày 01/6/2011, Ngân hàng giải ngân toàn bộ số tiền trên cho Công ty C vay theo Khế ước nhận nợ số LD1115100274 ngày 01/06/2011, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 01/6/2011 đến ngày 01/6/2014.

* Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên: một (01) chiếc xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti SE, BKS: 29A-234.84, số khung: RLLANF46DBH902380, số máy: F16D38876281, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty C theo Đăng ký xe số 010987 do Phòng CSGT Công an Hà Nội cấp ngày 30/5/2011. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LD1115100274/TC ngày 01/06/2011, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 02/6/2011 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội và thông báo việc thế chấp cho Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội.

2. Hợp đồng tín dụng LD1115400037 ngày 03/06/2011 có nội dung:

- Số tiền vay: 285.000.000 đồng .

- Thời hạn vay: 36 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên.

- Mục đích sử dụng vốn: Mua xe ô tô Chevrolet Cruze LS mới 100% để kinh doanh.

- Lãi suất trong hạn là: 25%/năm tại thời điểm giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay sẽ được thay đổi định kỳ 06 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 11,5%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Các bên thống nhất đến kỳ điều chỉnh lãi suất, Bên Ngân hàng sẽ tự động điều chỉnh theo thỏa thuận.

- Các kỳ hạn trả nợ: Nợ gốc trả 01 tháng/lần vào ngày 05 hàng tháng; tổng cộng gồm 36 kỳ, mỗi kỳ trả 8.000.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả nốt số tiền còn lại; Nợ lãi: Nợ lãi trả theo định kỳ 01 tháng/1 lần, vào ngày 05 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/7/2011.

Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, ngày 03/6/2011, Ngân hàng giải ngân toàn bộ số tiền trên cho Công ty C vay theo Khế ước nhận nợ số LD1115400037 ngày 03/06/2011, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 03/6/2011 đến ngày 03/6/2014.

* Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên: một (01) chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Cruze LS, BKS: 29A – 236.93, có số khung: RRLJF696EBH900341, số máy: F16D38384041, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty C theo Đăng ký xe số 000921 do Phòng CSGT Công an Hà Nội cấp ngày 31/5/2011. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LD1115400037/TC ngày 03/06/2011, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/6/2011 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội và thông báo việc thế chấp cho Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội.

Như vậy, tổng số tiền Ngân hàng V đã giải ngân cho Công ty C vay là: 530.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng V kể từ ngày 05/11/2011 và phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng V đã nhiều lần gửi Thông báo yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Thông báo yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm và đã tạo điều kiện trả nợ vay nhưng Công ty C vẫn chưa trả nợ cho Ngân hàng V.

* Ngày 22/3/2018, Ngân hàng V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty C phải thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phí phát sinh liên quan theo hợp đồng tín dụng số LD11151000274 ngày 01/6/2011 và Hợp đồng tín dụng số LD1115400037 ngày 03/6/2011 (tính đến thời điểm khởi kiện) là:

+ Nợ gốc: 470.000.000 đồng

+ Nợ lãi: 1.287.928.651 đồng.

Tổng cộng: 1.758.728.651 đồng

- Yêu cầu Tòa án tuyên cho Ngân hàng V tự xử lý hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, gồm:

+ Tài sản 1: Một chiếc ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti SE, BKS: 29A – 234.84, số khung: RLLANF46DBH902380, số máy: F16D38876281, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty C, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LD1115100274/TC ngày 01/6/2011.

+ Tài sản 2: Một chiếc ô tô nhãn hiệu Chevrolet Cruze LS, BKS: 29A – 236.93, số khung: RLLJF696EBH900341, số máy: F16D38384041, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty C, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LD1115400037/TC ngày 03/6/2011.

* Ngày 30/9/2019, Ngân hàng V có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung:

- Rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty C phải thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phí phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng số LD1115400037 ngày 03/6/2011 kèm theo Khế ước nhận nợ số LD1115400037 ngày 03/6/2011; tạm tính đến thời điểm rút là:

+ Nợ gốc: 253.000.000 đồng.

+ Nợ lãi: 606.177.958 đồng.

Tổng cộng: 859.177.958 đồng .

- Rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu cơ quan thi hành kê biên phát mại đối với tài sản bảo đảm là chiếc ô tô nhãn hiệu Chevrolet Cruze LS, BKS: 29A – 236.93, số khung: RLLJF696EBH900341, số máy: F16D38384041, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty C, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LD1115400037/TC ngày 03/6/2011.

* Sau khi rút một phần yêu cầu khởi kiện như trên thì yêu cầu khởi kiện còn lại của Ngân hàng V như sau:

- Buộc Công ty C phải thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD11151000274 ngày 01/6/2011 kèm theo Khế ước nhận nợ số LD11151000274 ngày 01/6/2011; tạm tính đến thời điểm rút một phần yêu cầu khởi kiện là:

+ Nợ gốc: 217.800.000 đồng.

+ Nợ lãi: 522.487.216 đồng.

Tổng cộng: 740.287.216 đồng

- Trường hợp Công ty C không trả được nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là chiếc ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti SE, BKS: 29A - 234.84, số khung: RLLANF46DBH902380, số máy: F16D38876281, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty C, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LD1115100274/TC ngày 01/6/2011.

[2] Về phía Bị đơn:

Công ty C có trụ sở tại số 114 phố Đ, phường H, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là ông Chu Việt S- Chủ tịch Hội đồng quản trị, có hộ

khẩu thường trú tại: phường P, quận B, Hà Nội (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp 0105264955, đăng ký lần đầu ngày 19/4/2011 do Phòng ĐKKD – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cung cấp).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn là Công ty C tại địa chỉ: số 114 phố Đ, phường H, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội nhưng đều không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp vì lý do Công ty C không hoạt động tại địa chỉ trên.

Theo kết quả xác minh trụ sở hoạt động của Công ty C, UBND phường H và Công an phường H cung cấp: Hiện Công ty C không còn hoạt động tại địa chỉ trên và Công ty chuyển trụ sở đi đâu, chính quyền địa phương không biết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ trụ sở Công ty và tại UBND phường H đúng quy định.

Ngoài ra, Tòa án còn tiến hành xác minh tại Công an phường P, quận B (là nơi người đại diện theo pháp luật có hộ khẩu thường trú) được cung cấp: Ông Chu Việt S; sinh năm 1981, có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại địa chỉ phường P, quận B, Hà Nội. Từ khi thành lập phường P (tháng 4/2014) đến nay, ông Chu Việt S không sinh sống tại địa chỉ trên. Ông Sơn chuyển đi đâu, Công an phường P không nắm được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi ông S có hộ khẩu thường trú và tại UBND phường P đúng quy định.

Ngày 07/9/2018, Tòa án gửi công văn số 432/TA-KDTM đề nghị Chi cục thuế quận Hai Bà Trưng cung cấp thông tin Công ty C về tình hình hoạt động và nghĩa vụ thuế của Công ty thì được cung cấp: Công ty C không còn hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan thuế, lần đóng thuế gần nhất vào năm 2012; còn nợ thuế đến 20/5/2013 là 3.000.000 đồng. Hiện cơ quan thuế đã có thông báo về việc doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh.

Ngày 12/7/2018, Tòa án gửi công văn số 31/TA-QHBT đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cung cấp thông tin doanh nghiệp đối với Công ty C. Ngày 19/7/2018, Phòng Đăng ký kinh doanh đã có công văn số 1662/CCTT-ĐKKD cung cấp thông tin Công ty C và gửi kèm Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp 0105264955, đăng ký lần đầu ngày 19/4/2011, hiện nay Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty C.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, Công ty C có 3 cổ đông sáng lập gồm:

- Ông Nguyễn Mạnh T; có hộ khẩu thường trú: Số 68, tổ 7, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội.
- Ông Chu Việt S; có hộ khẩu thường trú: phường P, quận B, Hà Nội.
- Ông Nguyễn Tuấn Anh; có hộ khẩu thường trú: số 11B ngõ 139 phường T, quận M, thành phố Hà Nội.

Toà án tiến hành xác minh nơi cư trú đối với 2 cổ đông là Nguyễn Mạnh T tại Công an phường P, quận Đ và ông Nguyễn Tuấn Anh tại Công an phường T, quận M được cung cấp: ông T và ông Tuấn A có đăng ký hộ khẩu tại những địa chỉ trên nhưng hiện không ăn ở sinh sống tại địa chỉ này, hiện ở đâu không rõ địa chỉ. Vì vậy Toà án không thể triệu tập được họ để thu thập thông tin về người đại diện theo pháp luật.

Toà án đã yêu cầu Ngân hàng thực thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng Ngân hàng không yêu cầu và từ chối chịu lệ phí thông báo.

Do người đại diện theo pháp luật của Công ty C vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Toà án không thu thập được ý kiến, lời khai và tài liệu chứng cứ của Công ty C đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện cho bị đơn vắng mặt không có lý do; đại diện nguyên đơn có mặt và trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Buộc Công ty C phải thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD11151000274 ngày 01/6/2011 kèm theo Khế ước nhận nợ số LD11151000274 ngày 01/6/2011; tạm tính đến ngày xét xử (25/11/2019) là:

- Nợ gốc: 217.800.000 đồng

- Nợ lãi quá hạn: 530.524.036 đồng

Tổng cộng: 748.324.036 đồng

- Trường hợp Công ty C không trả được nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là chiếc ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti SE, BKS: 29A - 234.84, số khung: RLLANF46DBH902380, số máy: F16D38876281, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty C, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LD1115100274/TC ngày 01/6/2011.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án và không có ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn: Xét thấy hợp đồng tín dụng hạn mức và các giấy nhận nợ được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật. Về lãi

suất cho vay được các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, buộc Công ty C phải thanh toán số tiền còn nợ là: nợ gốc 217.800.000 đồng; nợ lãi quá hạn 530.524.036 đồng; tổng cộng 748.324.036 đồng.

Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm thấy: hợp đồng thế chấp được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và được đăng ký giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực pháp luật. Tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti SE, BKS 29A-234.84 được bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ vay vốn của Công ty C tại Ngân hàng V. Chiếc xe mang tên chủ phương tiện là Công ty C, đến nay không có sự dịch chuyển về quyền sở hữu, nên trong trường hợp Ngân hàng xác định được chiếc xe thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho Ngân hàng được quyền yêu cầu có quan thi hành án dân sự xử lý phát mại để thu hồi nợ.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xác định căn cứ theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngày 22/3/2018, Ngân hàng V có đơn khởi kiện đối với Công ty C, có trụ sở tại số 114 phố Đ, phường H, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

- *Về việc bị đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện:* Ngày 30/9/2019, Ngân hàng V có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đòi số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD1115400037 ngày 03/6/2011 kèm theo Khế ước nhận nợ số LD1115400037 ngày 03/6/2011 và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là chiếc ô tô nhãn hiệu Chevrolet Cruze LS, BKS: 29A – 236.93. Xét thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với một phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

- *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:* Theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp và theo kết quả xác minh, có đủ cơ sở xác định tại đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi nơi bị đơn có trụ sở. Việc bị đơn thay đổi địa chỉ trụ sở gắn với quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng mà không có thông báo cho người khởi kiện biết về nơi hoạt động mới theo Điều 79 Bộ luật Dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án giải quyết theo quy định chung và niêm yết các văn bản tố tụng đối với Công ty C. Tòa án đã yêu cầu Ngân hàng thực thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân

sự nhưng Ngân hàng không yêu cầu và từ chối chịu lệ phí thông báo. Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của Công ty C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, nên áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty C.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng V thấy:

Ngày 01/6/2011, Ngân hàng V và Công ty C đã ký Hợp đồng hạn mức số LD11151000274 theo đó Ngân hàng cho Công ty C vay số tiền là 245.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng kể từ ngày 01/6/2011 đến ngày 01/6/2014 để mua xe ô tô DAEWOO LACETTI SE mới 100% để kinh doanh. Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty C vay toàn bộ số tiền 245.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số LD1115100274 ngày 01/06/2011. Xét hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, điểm d khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên có hiệu lực pháp luật.

Theo hợp đồng tín dụng, các bên thoả thuận kỳ hạn trả nợ như sau: Nợ gốc trả 01 tháng/lần vào ngày 05 hàng tháng; tổng cộng gồm 36 kỳ, mỗi kỳ trả 6.800.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả nốt số tiền còn lại; Nợ lãi: trả 01 tháng/1 lần, vào ngày 05 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/7/2011. Đối với khoản vay này, Công ty C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi của kỳ tháng 8 và tháng 9/2011 do không thanh toán hoặc thanh toán nhưng không đủ nợ gốc, lãi. Công ty C mới chỉ thanh toán được 27.200.000 đồng nợ gốc và 20.805.653 đồng nợ lãi trong hạn và 2.584 đồng nợ lãi quá hạn. Từ tháng 11/2011 cho đến nay, Công ty C không thanh toán bất kỳ một kỳ trả nợ gốc và lãi nào nên đã vi phạm vào Điều 4 của hợp đồng tín dụng. Do đó Ngân hàng V đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn kể từ ngày 04/11/2011 và Công ty C phải chịu lãi suất nợ quá hạn kể từ thời điểm này. Dư nợ còn lại tính đến ngày xét xử như sau:

- Nợ gốc: 217.800.000 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 530.524.036 đồng

Tổng cộng: 748.324.036 đồng.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng có quy định: *“Các bên cùng thống nhất hiểu rõ rằng việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một kỳ trả nợ gốc và/hoặc kỳ trả nợ lãi nào cũng bị coi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Bên Ngân hàng có quyền thu hồi ngay toàn bộ dư nợ còn lại của Bên vay mà không cần phải chờ đến khi kết thúc thời hạn vay”*. Theo Điều 7 hợp đồng tín dụng quy định: các khoản nợ gốc, lãi sẽ là nợ quá hạn trong trường hợp bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả lãi bằng 0,05%/ngày tính trên số lãi chậm trả. Phần dư nợ gốc thực tế bị quá hạn phải chịu lãi suất quá hạn; phần dư nợ gốc chưa đến kỳ trả nợ phải chịu mức lãi suất vay trong hạn.

Do đó theo hợp đồng tín dụng và Điều 25, khoản 2 Điều 13 Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (sau đây gọi tắt là “Quyết định 1627”) thì Ngân hàng V có quyền khởi kiện đòi Công ty C phải trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn Hợp đồng tín dụng số LD11151000274 ngày 01/6/2011 là có căn cứ.

Tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTM ngày 11/01/2019 thì hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01/7/2019 nên Công ty C phải chịu: lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất thoả thuận nhưng phải phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.

*** Về lãi suất cho vay:**

Theo hợp đồng tín dụng, các bên thoả thuận lãi trong hạn là 25%/năm tại thời điểm giải ngân đầu tiên. Tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 11 Quyết định 1627 và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước thì tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thoả thuận với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả. Tại thời điểm này, Ngân hàng Nhà nước không quy định lãi suất cho vay tối đa, do đó việc Ngân hàng V và Công ty C thoả thuận lãi suất cho vay là 25%/năm tại thời điểm giải ngân đầu tiên là không trái quy định của pháp luật.

*** Về việc điều chỉnh lãi suất thấy:**

Tại khoản 1 Điều 2 Hợp đồng tín dụng, lãi suất cho vay (trong hạn) tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 25%/năm. Nếu thời hạn vay trên 6 tháng thì mức lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 11,5%/năm. Theo bảng kê tính lãi thấy: Ngân hàng V đã điều chỉnh đúng như thoả thuận, tương ứng với lãi suất tiết kiệm 12 tháng bậc thang thấp nhất được quy định trong các Quyết định do Ngân hàng V ban hành theo từng thời kỳ cộng (+) với biên độ 11,5%. Cụ thể như sau:

- Ngày 01/12/2011: điều chỉnh lãi là 25,5%/năm (áp dụng theo Quyết định số 192/2011/QĐ-TGĐ ngày 30/9/2011 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân 12 tháng bậc thang thấp nhất là 14,0%+ biên độ 11,5% = 25,5%);

- Ngày 01/6/2012: điều chỉnh lãi là 22,5%/năm (áp dụng theo Quyết định số 1144/2012/QĐ-TGĐ ngày 26/5/2012 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân 12 tháng bậc thang thấp nhất là 11%+ biên độ 11,5% = 22,5%);

- Ngày 01/12/2012: điều chỉnh lãi là 23,5%/năm (áp dụng theo Quyết định số 3324/2011/QĐ-TGĐ ngày 18/11/2012 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân 12 tháng bậc thang thấp nhất là 12%+ biên độ 11,5% = 23,5%);

- Ngày 01/6/2013: điều chỉnh lãi là 21%/năm (áp dụng theo Quyết định số 2347/2013/QĐ-TGĐ ngày 14/5/2013 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân 12 tháng bậc thang thấp nhất là 9,5%+ biên độ 11,5% = 21%);

- Ngày 01/12/2013: điều chỉnh lãi là 20,2%/năm (áp dụng theo Quyết định số 6444/2013/QĐ-TGĐ ngày 11/11/2013 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân 12 tháng bậc thang thấp nhất là 8,7%+ biên độ 11,5% = 20,2%);

- Ngày 01/6/2014: điều chỉnh lãi là 18,9%/năm (áp dụng theo Quyết định số 2674/2014/QĐ-TGĐ ngày 26/5/2014 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân 12 tháng bậc thang thấp nhất là 7,4%+ biên độ 11,5% = 18,9%);

- Ngày 01/12/2014: điều chỉnh lãi là 18,4%/năm (áp dụng theo Quyết định số 4589/2014/QĐ-TGĐ ngày 29/11/2014 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân 12 tháng bậc thang thấp nhất là 6,9%+ biên độ 11,5% = 18,4%);

- Ngày 01/6/2015: điều chỉnh lãi là 18,1%/năm (áp dụng theo Quyết định số 369/2015/QĐ-TGĐ ngày 09/5/2015 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân 12 tháng bậc thang thấp nhất là 6,6%+ biên độ 11,5% = 18,1%);

- Ngày 01/12/2015: điều chỉnh lãi là 17,7%/năm (áp dụng theo Quyết định số 848/2015/QĐ-TGĐ ngày 21/11/2015 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân 12 tháng bậc thang thấp nhất là 6,2%+ biên độ 11,5% = 17,7%);

- Ngày 01/6/2016: điều chỉnh lãi là 17,9%/năm (áp dụng theo Quyết định số 397/2016/QĐ-TGĐ ngày 30/5/2016 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân 12 tháng bậc thang thấp nhất là 6,4%+ biên độ 11,5% = 17,9%);

- Ngày 01/12/2016: điều chỉnh lãi là 18,0%/năm (áp dụng theo Quyết định số 1023/2016/QĐ-TGĐ ngày 21/11/2016 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân 12 tháng bậc thang thấp nhất là 6,5%+ biên độ 11,5% = 18%);

- Ngày 01/6/2017: điều chỉnh lãi là 18,3%/năm (áp dụng theo Quyết định số 301/2017/QĐ-TGĐ ngày 04/4/2017 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân 12 tháng bậc thang thấp nhất là 6,8%+ biên độ 11,5% = 18,3%);

- Ngày 01/12/2017: điều chỉnh lãi là 18,4%/năm (áp dụng theo Quyết định số 857/2017/QĐ-TGĐ ngày 26/11/2018 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân 12 tháng bậc thang thấp nhất là 6,9%+ biên độ 11,5% = 18,4%);

- Ngày 01/6/2018: điều chỉnh lãi là 18,4%/năm (áp dụng theo Quyết định số 391/2018/QĐ-TGD ngày 16/5/2018 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân 12 tháng bậc thang thấp nhất là 6,9%+ biên độ 11,5% = 18,4%);

- Ngày 01/12/2018: điều chỉnh lãi là 18,75%/năm (áp dụng theo Quyết định số 987/2018/QĐ-TGD ngày 30/11/2018 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân 12 tháng bậc thang thấp nhất là 7,25%+ biên độ 11,5% = 18,75%);

- Ngày 01/6/2019: điều chỉnh lãi là 18,45%/năm (áp dụng theo Quyết định số 301/2019/QĐ-TGD ngày 10/5/2019 quy định biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân 12 tháng bậc thang thấp nhất là 6,95%+ biên độ 11,5% = 18,45%).

*** Về lãi suất quá hạn:**

Tại khoản 3 Điều 2 Hợp đồng tín dụng quy định: Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất cho vay thì lãi suất quá hạn của kỳ đó cũng sẽ thay đổi theo. Thỏa thuận này là phù hợp với khoản 2 Điều 11 Quyết định 1627.

Theo các quy định của pháp luật như phân tích trên và kiểm tra số liệu tại Bảng kê tính lãi của Ngân hàng V, thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ là:

- Nợ gốc: 217.800.000 đồng

- Nợ lãi quá hạn: 530.524.036 đồng

Tổng cộng: 748.324.036 đồng (Bảy trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm hai mươi tư nghìn, không trăm ba mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

2.2 Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng V thấy:

Để bảo đảm cho khoản vay, Công ty C đã thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti SE, BKS: 29A-234.84, số khung: RLLANF46DBH902380, số máy: F16D38876281, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty C theo Đăng ký xe số 010987 do Phòng CSGT Công an Hà Nội cấp ngày 30/5/2011. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LD1115100274/TC ngày 01/06/2011, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 02/6/2011 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội và thông báo việc thế chấp cho Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội. Tài sản được bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty C phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số LD1115100274 ngày 01/06/2011.

Xét hợp đồng thế chấp được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ai ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhằm lẫn. Việc thế chấp đã thực hiện đúng hình thức, trình tự và thủ tục, tuân thủ đúng quy định tại Điều 342, Điều 343

Bộ luật Dân sự năm 2005, Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP, Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm. Vì vậy, có căn cứ xác định Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LD1115100274/TC ngày 01/06/2011 có hiệu lực pháp luật nên có giá trị thi hành.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng trình bày hiện nay không biết chiếc xe này ở đâu nên không đề nghị Tòa án tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản. Do đó, ngày 30/10/2018, Tòa án có Công văn số 590/TA-KDTM đề nghị Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hà Nội cung cấp thông tin đăng ký đối với chiếc xe ô tô trên. Ngày 05/11/2018, Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hà Nội có công văn số 2268/PC08-QLX cung cấp thông tin chiếc xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti SE, BKS 29A-234.84 vẫn mang tên Công ty C, địa chỉ: số 114 phố Đ, phường H, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Ngày 31/10/2018, Tòa án có Công văn số 597/TA-KDTM đề nghị Cục đăng kiểm Việt Nam cung cấp thông tin đăng kiểm đối với chiếc xe ô tô trên. Ngày 19/11/2018, Cục Đăng Kiểm Việt Nam có công văn số 7219 cung cấp thông tin đăng kiểm đối với xe 29A-234.84 như sau: Ngày kiểm định gần nhất: 30/5/2011; hạn kiểm định 30/11/2013, nơi kiểm định: Trung tâm đăng kiểm 2905V Hà Nội.

Như vậy, theo Công văn số 2268/PC08-QLX ngày 05/11/2018 của Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hà Nội, chiếc xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti SE, BKS 29A-234.84 vẫn mang tên Công ty C, không có sự chuyển dịch quyền sở hữu cho người khác, do đó, Công ty C vẫn đang là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe trên. Chiếc xe là tài sản thế chấp được bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty C phát sinh từ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số LD1115100274 ngày 01/06/2011 nên khi Công ty C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Công ty C phải thực hiện nghĩa vụ của bên thế chấp. Vì vậy, trong trường hợp Ngân hàng V xác định được chiếc xe ô tô trên thì có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí tính trên phần nghĩa vụ phải thanh toán cho Nguyên đơn; trả lại Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 , Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 342, Điều 343 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch

bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP;

- Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

- Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng;

- Quyết định 1627/2010/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 28/2002/QĐ-NHNN ngày 11/01/2002; Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005; Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/5/2005;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTM ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với Công ty C.

2. Buộc Công ty C phải trả cho Ngân hàng V số tiền còn nợ tính đến ngày 25/11/2019 theo Hợp đồng tín dụng số LD1115100274 ngày 01/06/2011 và Khế ước nhận nợ số LD1115100274 ngày 01/06/2011 bao gồm:

- Nợ gốc: 217.800.000 đồng (*Hai trăm mười bảy triệu, tám trăm nghìn đồng*)

- Nợ lãi quá hạn: 530.524.036 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu, năm trăm hai mươi tư nghìn không trăm ba mươi sáu đồng*)

Tổng cộng: 748.324.036 đồng (*Bảy trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm hai mươi tư nghìn, không trăm ba mươi sáu đồng*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp Công ty C không trả được nợ và Ngân hàng V xác định được tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti SE, biển kiểm soát 29A-234.84, số khung: RLLANF46DBH902380, số máy: F16D38876281 thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trường hợp số tiền xử lý tài sản bảo đảm không đủ thu hồi nợ thì Công ty C vẫn tiếp tục phải thanh toán số tiền còn lại.

4. Đình chỉ việc giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà Ngân hàng V đã rút về việc đòi Công ty C trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD1115400037 ngày 03/6/2011, Khế ước nhận nợ số LD1115400037 ngày

03/6/2011 và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là chiếc ô tô nhãn hiệu Chevrolet Cruze LS, biển kiểm soát 29A - 236.93 theo Hợp đồng thế xe ô tô số LD1115400037/TC ngày 03/6/2011.

5. Về án phí:

- Bị đơn là Công ty C phải chịu 33.932.961 đồng (*Ba mươi ba triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn, chín trăm sáu mươi một đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng V số tiền 32.380.920 đồng (*Ba mươi hai triệu, ba trăm tám mươi nghìn, chín trăm hai mươi đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003942 ngày 14/6/2018 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt Ngân hàng V; vắng mặt Công ty C. Ngân hàng V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Công ty C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Thủy

